

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông báo số/TB-HĐ ngày ... tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng Hải Phòng)

**DANH SÁCH CÁC THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI
SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐỢT 1, NĂM 2026 (LẦN 2)**

Thời gian thi: từ 7 giờ 15 phút, thứ Bảy, ngày 06/6/2026.

Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật công nghiệp - Số 156/109 Trường Chinh, Cụm CN Đồng Hoà, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng

Số lượng thí sinh dự thi: 511 thí sinh.

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
PHÒNG SỐ 1 (A201) - 32 THÍ SINH							
511	Bùi Đức An	28/08/2003	Thành phố Hải Phòng	031203002760	16/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
512	Nguyễn Hồng An	28/03/1998	Thành phố Hải Phòng	031198000035	06/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
513	Nguyễn Thị Trâm Anh	09/05/1996	Tỉnh Lâm Đồng	068196008006	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
514	Vũ Thị Anh	02/02/1986	Tỉnh Ninh Bình	036186025051	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
515	Phạm Thị Ngọc Anh	01/06/1980	Tỉnh Hưng Yên	034180007778	18/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
516	Bùi Thế Anh	12/07/1987	Thành phố Hải Phòng	030087005381	28/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
517	Ngô Thị Hà Anh	31/01/1999	Thành phố Hải Phòng	031199007759	17/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
518	Nguyễn Thị Lê Anh	22/09/1990	Tỉnh Nghệ An	040190000479	18/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
519	Đinh Thị Lan Anh	20/05/1987	Tỉnh Quảng Ninh	022187000622	08/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
520	Lê Văn Anh	24/06/1987	Tỉnh Quảng Ninh	022187006944	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
521	Ngô Việt Anh	07/08/1992	Thành phố Hải Phòng	031092000343	26/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
522	Đỗ Quốc Anh	03/12/1992	Thành phố Hải Phòng	031092019802	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
523	Nguyễn Thị Lan Anh	22/08/2004	Thành phố Hải Phòng	031304008134	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
524	Đỗ Duy Anh	28/12/2000	Thành phố Hải Phòng	031200001946	11/12/2025	Bộ Công an	Việt Nam
525	Trần Trung Anh	19/06/1985	Thành phố Hải Phòng	031085011271	31/03/2025	Bộ Công an	Việt Nam
526	Đặng Văn Anh	26/09/2001	Tỉnh Sơn La	014301000308	06/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
527	Đinh Thị Ánh	13/10/1982	Tỉnh Phú Thọ	026182000622	05/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
528	Quách Thái Bắc	17/10/1979	Thành phố Hà Nội	001079042860	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
529	Đinh Việt Bách	15/06/1988	Tỉnh Quảng Ninh	022088003052	17/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
530	Nguyễn Xuân Bách	21/12/1989	Thành phố Hải Phòng	031089010897	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
531	Nguyễn Văn Bằng	01/02/1993	Thành phố Hải Phòng	031093009714	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
532	Trần Thị Báu	03/06/1984	Thành phố Hải Phòng	031184009839	10/07/2024	Bộ Công an	Việt Nam
533	Nguyễn Thị Bích	16/06/1989	Thành phố Hải Phòng	031189014712	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
534	Đoàn Thanh Bình	16/02/1988	Thành phố Hải Phòng	031188002686	30/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
535	Đặng Bá Bình	24/11/1987	Thành phố Hải Phòng	031087008157	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
536	Nguyễn Xuân Cần	24/07/2003	Tỉnh Sơn La	014203002091	12/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
537	Đào Văn Cảnh	27/04/1985	Thành phố Hải Phòng	031085011851	27/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam
538	Phạm Thị Thùy Chi	26/10/1999	Thành phố Hải Phòng	030199001957	06/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
539	Trần Thị Linh Chi	09/06/2003	Thành phố Hà Nội	001303024482	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
540	Kim Ngọc Chí	08/12/1990	Tỉnh Phú Thọ	026090009916	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
541	Trần Văn Chiến	05/10/1983	Tỉnh Ninh Bình	036083021304	02/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
542	Lê Văn Chiến	07/10/1990	Thành phố Hà Nội	001090022255	04/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
PHÒNG SỐ 2 (A306) - 32 THÍ SINH							
543	Nguyễn Phú Minh Chính	20/04/1995	Thành phố Hải Phòng	031095013964	03/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
544	Nguyễn Đình Chính	29/02/1984	Thành phố Hải Phòng	031084002074	03/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
545	Nguyễn Văn Chung	24/08/1975	Thành Phố Hà Nội	001075017637	08/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
546	Dương Lê Chung	08/04/1978	Thành phố Hà Nội	001178023156	14/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
547	Nguyễn Thị Chung	19/02/1993	Thành phố Hà Nội	001193042544	17/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
548	Vũ Văn Chương	04/10/1989	Thành phố Hải Phòng	031089002908	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
549	Đỗ Văn Công	11/03/1983	Tỉnh Bắc Ninh	027083002857	02/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
550	Phan Thành Công	12/02/2000	Tỉnh Phú Thọ	026200006129	19/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
551	Nguyễn Văn Cường	28/07/1994	Tỉnh Bắc Ninh	024094006079	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
552	Trần Việt Cường	27/06/1986	Tỉnh Phú Thọ	017086000024	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
553	Vũ Mạnh Cường	31/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	036201007204	02/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
554	Đoàn Hữu Cường	28/10/1987	Thành phố Hải Phòng	031087008017	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
555	Phùng Hùng Cường	25/01/1982	Tỉnh Phú Thọ	017082009166	24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
556	Vũ Văn Cường	10/10/1985	Tỉnh Thanh Hóa	038085006802	10/09/2025	Bộ Công An	Việt Nam
557	Nguyễn Mạnh Cường	17/03/1983	Thành phố Hà Nội	001083005800	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
558	Trương Quốc Cường	22/03/1987	Thành phố Hải Phòng	037087004068	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
559	Nguyễn Văn Cường	18/07/1997	Tỉnh Quảng Ninh	022097003815	30/10/2025	Bộ Công an	Việt Nam
560	Nguyễn Văn Đại	07/11/1990	Tỉnh Quảng Ninh	022090003402	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
561	Quách Văn Đại	28/01/1994	Thành phố Hải Phòng	031094002878	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
562	Trần Đức Đại	11/04/1996	Thành phố Hà Nội	001096039504	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
563	Bùi Văn Dân	25/05/1974	Thành phố Hải Phòng	031074001693	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
564	Phan Hải Đăng	11/04/1983	Thành phố Hà Nội	001083054542	27/02/2025	Bộ Công An	Việt Nam
565	Nguyễn Đình Đạt	21/10/1992	Thành phố Hải Phòng	031092002486	16/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
566	Nguyễn Tiến Đạt	03/11/2001	Tỉnh Phú Thọ	025201001421	21/08/2025	Bộ Công an	Việt Nam
567	Nguyễn Tiến Đạt	04/12/1995	Thành phố Hải Phòng	031095005038	08/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
568	Cao Thành Đạt	31/12/1993	Thành phố Hà Nội	001093007515	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
569	Nguyễn Tiến Đạt	22/01/1992	Thành phố Hải Phòng	031092008435	09/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
570	Vũ Thị Diễm	20/12/1987	Thành phố Hải Phòng	031187015678	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
571	Hoàng Văn Điện	09/04/1994	Thành phố Hải Phòng	031094017234	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
572	Đỗ Văn Điệp	06/09/1983	Tỉnh Hưng Yên	034083026082	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
573	Hoàng Duy Điệp	13/12/1990	Thành phố Hải Phòng	031090010650	11/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
574	Hoàng Vũ Điệp	24/09/2003	Thành phố Hải Phòng	031203006426	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 3 (B201) - 32 THÍ SINH							
575	Nguyễn Đức Đình	20/03/1995	Thành phố Hải Phòng	031095017099	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
576	Vũ Huy Đoán	25/10/1988	Tỉnh Ninh Bình	036088002181	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
577	Phạm Văn Đoàn	02/12/1979	Thành phố Hải Phòng	030079015248	15/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
578	Đỗ Quang Đông	07/08/1991	Tỉnh Quảng Ninh	022091000346	04/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
579	Nguyễn Huy Đông	12/06/1989	Thành phố Hải Phòng	031089012543	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
580	Nguyễn Văn Đông	20/05/1985	Thành phố Hà Nội	001085033285	13/05/2025	Bộ Công an	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
581	Bùi Anh Đức	03/09/1988	Thành phố Hải Phòng	030088017546	14/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam
582	Trần Minh Đức	17/06/1995	Thành phố Hải Phòng	031095012238	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
583	Lê Thị Thuý Dung	15/06/2001	Thành phố Hà Nội	001301023152	26/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
584	Nguyễn Thị Dung	13/07/1988	Thành phố Hải Phòng	031188008990	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
585	Nguyễn Thị Dung	22/12/1989	Thành phố Hải Phòng	031189009594	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
586	Trần Thị Dung	20/05/1989	Thành phố Hải Phòng	036189009107	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
587	Nguyễn Thị Phương Dung	17/12/1987	Thành phố Hải Phòng	031187006013	09/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
588	Lưu Tôn Dũng	17/04/1989	Thành phố Hải Phòng	031089012711	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
589	Bùi Tiến Dũng	28/10/1987	Thành phố Hải Phòng	036087024757	19/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
590	Nguyễn Trung Dũng	28/03/1981	Thành phố Hải Phòng	031081002653	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
591	Đỗ Tiến Dũng	15/10/1979	Thành phố Hải Phòng	031079000799	27/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
592	Nguyễn Anh Dũng	10/10/1994	Thành phố Hà Nội	001094026708	14/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
593	Mai Hoàng Tuấn Dũng	16/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	038092011449	14/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
594	Hoàng Đức Dũng	12/12/1986	Thành phố Hải Phòng	031086010987	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
595	Bùi Tuấn Dương	21/12/2004	Thành phố Hải Phòng	034204006098	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
596	Nguyễn Duy Dương	25/12/1985	Thành phố Hải Phòng	031085011509	26/09/2025	Bộ Công an	Việt Nam
597	Trần Thái Dương	23/04/2005	Thành phố Hải Phòng	031205014081	29/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
598	Trần Khương Duy	02/08/1989	Thành phố Hải Phòng	031089006688	10/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
599	Đỗ Đức Duy	13/01/1985	Thành phố Hải Phòng	030085010319	07/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam
600	Nguyễn Tùng Duy	01/09/2002	Thành phố Hà Nội	001202025682	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
601	Bùi Văn Duy	15/08/1987	Thành phố Hải Phòng	031087009468	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
602	Vũ Thành Duy	18/12/1994	Thành Phố Hà Nội	001094042794	10/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
603	Đào Đức Duy	14/03/1990	Thành phố Hải Phòng	031090006821	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
604	Lê Thị Duyên	06/02/1992	Tỉnh Thanh Hóa	038192041798	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
605	Phạm Mỹ Duyên	01/10/1991	Tỉnh Hưng Yên	034191023055	19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
606	Phạm Thị Hồng Gấm	16/01/1987	Tỉnh Hưng Yên	034187003054	10/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 4 (B202) - 32 THÍ SINH							
607	Vũ Thanh Giang	17/05/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022089011323	20/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
608	Nguyễn Duy Trường Giang	23/04/1981	Tỉnh Nghệ An	040081001127	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
609	Vũ Thị Hương Giang	23/09/1989	Thành phố Hải Phòng	030189009915	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
610	Trần Thị Giang	11/07/1995	Thành phố Hải Phòng	031195003941	04/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
611	Đào Thị Hương Giang	21/11/1987	Thành phố Hải Phòng	031187012887	16/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam
612	Hà Thị Giang	24/12/1986	Thành phố Hải Phòng	030186007875	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
613	Nguyễn Hữu Giang	20/11/1987	Thành Phố Hà Nội	001087014817	02/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
614	Lưu Ngọc Hà	26/01/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005685	28/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
615	Lê Quang Hà	12/08/2002	Thành phố Hải Phòng	031202008555	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
616	Phan Mạnh Nhà	14/01/1972	Tỉnh Thái Nguyên	019072000056	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
617	Đặng Thị Hà	27/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031190009663	19/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
618	Nguyễn Thu Hà	13/02/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005424	12/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
619	Hoàng Thị Thúy Hà	20/06/1979	Thành phố Hà Nội	001179008166	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
620	Nguyễn Thị Hải	02/08/2000	Tỉnh Đắk Lắk	066300005295	14/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
621	Nguyễn Quang Hải	26/03/1985	Thành phố Hải Phòng	031085006666	30/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam
622	Lưu Thanh Hải	28/12/1990	Tỉnh Ninh Bình	035090012897	04/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
623	Nguyễn Thanh Hải	17/09/1999	Thành phố Hải Phòng	031099003916	17/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
624	Hà Minh Hải	15/10/1999	Tỉnh Thanh Hóa	038099016828	17/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
625	Nguyễn Thị Thu Hải	29/09/1987	Tỉnh Phú Thọ	017187012868	02/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
626	Vũ Quốc Hân	14/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031093006398	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
627	Nguyễn Thị Hằng	25/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031191009584	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
628	Dương Thị Thuý Hằng	30/08/1979	Thành phố Hải Phòng	031179000487	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
629	Đào Thị Thu Hằng	17/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031187001896	17/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
630	Nguyễn Thị Hằng	19/06/1990	Tỉnh Thanh Hoá	038190000180	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
631	Nguyễn Thị Hằng	04/04/1991	Thành Phố Hà Nội	001191002668	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
632	Vũ Minh Hằng	28/10/1994	Thành phố Hải Phòng	031194003838	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
633	Lê Thị Thu Hằng	09/09/1993	Tỉnh Hưng Yên	034193000276	10/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
634	Nguyễn Thị Hằng	27/06/1988	Tỉnh Bắc Ninh	024188009929	24/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
635	Đỗ Đức Hạnh	28/04/1993	Tỉnh Hưng Yên	034093003761	09/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
636	Nguyễn Thị Hạnh	25/07/1982	Thành phố Hải Phòng	031182005432	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
637	Đào Tuyết Hạnh	10/06/2004	Thành phố Hải Phòng	031304010016	03/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
638	Phạm Quang Hạnh	09/02/1991	Tỉnh Hưng Yên	034091015604	16/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

PHÒNG SỐ 5 (B204) - 32 THÍ SINH

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
639	Nguyễn Đình Hào	12/06/1991	Thành phố Hải Phòng	031091002456	01/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
640	Lã Thị Hào	20/11/1980	Thành phố Hải Phòng	031180017549	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
641	Vũ Ngọc Hậu	05/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031093003509	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
642	Tạ Thị Thu Hiền	04/04/1991	Tỉnh Hưng Yên	034191000402	28/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
643	Nguyễn Thị Hiền	01/02/1981	Thành phố Hải Phòng	031181011538	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
644	Hoàng Thị Hiền	08/09/1982	Thành phố Hải Phòng	031182006419	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
645	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/01/1987	Thành phố Hải Phòng	031187000726	21/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
646	Vũ Thị Thu Hiền	16/01/1990	Tỉnh Lạng Sơn	020190012533	16/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
647	Đặng Trần Thu Hiền	18/10/1995	Tỉnh Ninh Bình	036195011784	27/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
648	Trần Văn Hiền	02/01/1987	Thành phố Hải Phòng	031087006414	29/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
649	Đình Quang Hiện	13/09/1977	Thành phố Hải Phòng	001077043498	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
650	Vũ Quang Hiếu	13/07/1990	Thành phố Hải Phòng	031090003435	04/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
651	Nguyễn Văn Hiếu	18/08/1984	Thành phố Hải Phòng	030084022191	01/11/2024	Bộ Công an	Việt Nam
652	Lê Trung Hiếu	09/06/2002	Tỉnh Quảng Ninh	022202003330	13/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
653	Nguyễn Trung Hiếu	24/12/2003	Thành phố Hải Phòng	031203009866	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
654	Phan Trọng Hiếu	04/10/1990	Thành phố Hải Phòng	017090002257	05/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
655	Nguyễn Thị Hoa	28/02/1984	Thành phố Hải Phòng	030184012748	12/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
656	Đặng Như Hoa	18/07/1999	Thành phố Hà Nội	001199030196	19/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam
657	Nguyễn Ngọc Hoa	26/07/1988	Thành phố Hải Phòng	031188004151	10/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
658	Phạm Thị Hoa	29/01/1982	Thành phố Hải Phòng	031182001164	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
659	Đỗ Thị Hoa	21/08/1985	Tỉnh Hưng Yên	033185002621	24/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
660	Cao Anh Hoà	06/08/1999	Tỉnh Hưng Yên	034099014004	07/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam
661	Nguyễn Mạnh Hóa	01/01/1988	Thành phố Hải Phòng	031088001586	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
662	Nguyễn Ngọc Hòa	13/07/1991	Thành phố Hải Phòng	031091022966	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
663	Nguyễn Ngọc Hòa	28/10/1984	Thành phố Hải Phòng	031084017045	18/09/2024	Bộ Công an	Việt Nam
664	Hoàng Văn Hòa	28/06/1988	Thành phố Hải Phòng	030088002027	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
665	Hoàng Thị Hòa	26/12/1982	Thành phố Hà Nội	001182015381	08/11/2024	Bộ Công An	Việt Nam
666	Lê Thị Hòa	10/07/1980	Tỉnh Thanh Hóa	038180002323	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
667	Đỗ Đức Hoài	05/04/1986	Thành phố Hải Phòng	031086003488	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
668	Nguyễn Quang Hoàn	03/06/1991	Liên Bang Nga	231091000025	14/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
669	Nguyễn Văn Hoàn	07/04/1989	Tỉnh Bắc Ninh	027089012661	07/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
670	Lê Mỹ Hoàn	04/01/1988	Tỉnh Quảng Ninh	022088000721	06/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 6 (B205) - 32 THÍ SINH							
671	Trần Thành Hoàng	31/10/1991	Thành phố Hải Phòng	031091012959	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
672	Nguyễn Huy Hoàng	07/06/1988	Tỉnh Ninh Bình	036088015653	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
673	Nguyễn Đình Hoàng	29/10/1995	Tỉnh Ninh Bình	036095008909	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
674	Cao Văn Hoạt	07/01/1986	Tỉnh Quảng Ninh	022086003812	26/11/2025	Bộ Công An	Việt Nam
675	Nguyễn Thái Học	12/01/1997	Thành phố Hải Phòng	031097011722	20/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
676	Nguyễn Văn Học	18/08/1991	Thành phố Hải Phòng	031091010689	08/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
677	Đoàn Văn Hồng	26/01/1997	Thành phố Hải Phòng	031097009817	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
678	Dương Thị Hồng	25/11/1980	Tỉnh Bắc Ninh	024180000450	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
679	Vũ Thị Hồng	04/04/1986	Tỉnh Ninh Bình	036186020927	02/04/2026	Bộ Công an	Việt Nam
680	Nguyễn Thị Hồng	27/07/1982	Thành phố Hải Phòng	031182016134	14/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
681	Phạm Tiêu Huân	08/11/2005	Thành phố Hải Phòng	031205003795	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
682	Phạm Thị Hồng Huệ	20/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031188001941	02/08/2024	Bộ Công an	Việt Nam
683	Phạm Thị Huệ	14/01/1989	Thành phố Hải Phòng	031189007928	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
684	Đặng Thị Huệ	20/02/1987	Thành phố Hải Phòng	031187008715	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
685	Trần Thị Huệ	22/12/1976	Thành phố Hải Phòng	031176012167	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
686	Vũ Thị Thanh Huệ	28/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031192008167	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
687	Nguyễn Thị Huệ	20/08/1979	Tỉnh Đồng Nai	075179000478	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
688	Nguyễn Thế Hùng	22/05/1997	Tỉnh Quảng Ninh	022097001252	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
689	Nguyễn Việt Hùng	13/01/1979	Thành phố Hải Phòng	031079002165	18/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
690	Nguyễn Hữu Hưng	19/12/1988	Thành phố Hải Phòng	031088000029	26/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
691	Nguyễn Văn Hưng	05/02/1998	Thành phố Hải Phòng	31098007703	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
692	Vũ Tuấn Hưng	23/08/1986	Tỉnh Ninh Bình	035086013228	26/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
693	Phạm Thị Hương	10/06/1988	Tỉnh Quảng Ninh	022188000327	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
694	Vũ Thị Hương	28/03/1981	Tỉnh Hưng Yên	034181000929	01/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
695	Vũ Thị Hương	18/10/1993	Tỉnh Hưng Yên	034193000482	30/01/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
696	Đinh Thị Quỳnh Hương	28/08/1999	Thành phố Hải Phòng	031199001580	23/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
697	Vũ Thị Hương	12/01/1987	Thành phố Hải Phòng	031187019019	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
698	Nguyễn Thị Thu Hương	24/06/1995	Thành phố Hải Phòng	031195017049	29/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
699	Bùi Thị Hương	25/10/1984	Tỉnh Hưng Yên	034184000619	14/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam
700	Vũ Thị Hương	05/11/1995	Tỉnh Hưng Yên	033195008498	30/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
701	Trần Thị Thu Hương	09/03/1974	Thành Phố Hà Nội	001174000768	25/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
702	Trần Thị Thu Hương	22/11/1983	Thành phố Hải Phòng	031183027068	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 7 (B206) - 32 THÍ SINH							
703	Nguyễn Thị Hương	01/11/1993	Thành phố Hà Nội	001193025545	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
704	Nguyễn Thị Hương	15/08/1993	Tỉnh Phú Thọ	025193015799	05/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
705	Nguyễn Mai Hương	05/12/1986	Tỉnh Tuyên Quang	008186010215	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
706	Đào Văn Hường	04/06/1997	Tỉnh Ninh Bình	036097006937	16/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
707	Vũ Văn Hường	01/11/1972	Thành phố Hải Phòng	031072000084	24/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
708	Phạm Thị Hường	01/07/1986	Tỉnh Quảng Ninh	022186002259	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
709	Nguyễn Thị Hường	28/07/1984	Thành phố Hải Phòng	031184011358	07/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
710	Dương Thị Hường	18/12/1992	Thành phố Hải Phòng	031193003684	31/07/2025	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
711	Nguyễn Thị Hường	27/08/1996	Tỉnh Phú Thọ	026196000740	28/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
712	Trần Quốc Huy	04/06/1998	Tỉnh Bắc Ninh	024098009916	24/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
713	Trịnh Minh Huy	27/05/1983	Thành phố Hải Phòng	031083014702	24/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
714	Đặng Quang Huy	17/01/1991	Thành phố Hải Phòng	031091019619	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
715	Mai Văn Huy	02/04/1985	Thành phố Hải Phòng	031085001306	12/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam
716	Phạm Quốc Huy	12/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031092020003	05/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
717	Phạm Thị Huyền	03/03/1990	Thành phố Hải Phòng	031190001179	25/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
718	Bùi Thị Thanh Huyền	20/02/1983	Thành phố Hải Phòng	031183006041	01/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
719	Nguyễn Thị Phương Huyền	01/11/1990	Thành phố Hải Phòng	031190000701	21/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
720	Lê Thị Thanh Huyền	30/04/1985	Thành phố Hải Phòng	031185008835	07/03/2025	Bộ Công an	Việt Nam
721	Nguyễn Đình Kha	03/04/1984	Thành phố Hà Nội	001084021508	03/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
722	Trương Đình Khải	15/11/1989	Thành phố Hải Phòng	030089004986	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
723	Phùng Tuấn Khanh	15/05/2002	Thành phố Hải Phòng	031202005811	04/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
724	Phạm Văn Khanh	18/06/1969	Thành phố Hải Phòng	031069003377	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
725	Tạ Văn Khánh	10/08/1995	Tỉnh Quảng Ninh	022095005379	06/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
726	Nguyễn Trọng Khánh	02/09/1980	Thành phố Hải Phòng	031080018460	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
727	Lương Minh Khánh	02/11/1984	Thành phố Hà Nội	001084043062	11/10/2024	Bộ Công An	Việt Nam
728	Phạm Phú Khánh	31/08/1977	Thành phố Hải Phòng	031077002604	19/04/2024	Bộ Công an	Việt Nam
729	Đặng Quang Khánh	25/02/1985	Thành phố Hải Phòng	031085019853	07/02/2024	Bộ Công an	Việt Nam
730	Trương Ngọc Khánh	15/01/1987	Thành phố Hà Nội	001087030253	09/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
731	Nguyễn Quốc Khánh	09/12/2000	Tỉnh Thái Nguyên	019200007362	17/11/2025	Bộ Công an	Việt Nam
732	Phạm Gia Khánh	09/07/2004	Tỉnh Quảng Ninh	000204001059	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
733	Đông Văn Khoa	03/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031091015993	15/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
734	Trần Thanh Khoa	25/06/1984	Thành phố Hải Phòng	031084015918	25/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
PHÒNG SỐ 8 (B301) - 32 THÍ SINH							
735	Trần Duy Khuê	05/04/1981	Thành phố Hải Phòng	031081005686	09/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
736	Đỗ Đức Khương	01/08/1991	Thành phố Hải Phòng	031091004405	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
737	Ngô Ngọc Khuyên	19/08/1990	Tỉnh Ninh Bình	036190012389	11/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
738	Phạm Văn Kiên	08/01/1991	Tỉnh Hưng Yên	034091012084	14/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
739	Trần Duy Kiên	06/12/2006	Thành phố Hải Phòng	031206018995	09/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
740	Nguyễn Đình Kiên	18/01/1988	Thành phố Hải Phòng	031088004596	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
741	Phạm Đình Kiệt	08/04/2002	Thành phố Hải Phòng	030202011616	13/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
742	Ma Doãn Kiều	07/05/1989	Tỉnh Tuyên Quang	008089009742	28/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
743	Phạm Văn Kỳ	21/12/1978	Tỉnh Ninh Bình	036078001428	22/08/2024	Bộ Công an	Việt Nam
744	Lã Thị Lai	12/12/1985	Thành phố Hải Phòng	031185017181	14/10/2025	Bộ Công an	Việt Nam
745	Hoàng Thị Lan	01/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031192002589	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
746	Nguyễn Thị Lan	12/08/1989	Tỉnh Hưng Yên	034189002330	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
747	Nguyễn Thị Mai lan	01/11/1985	Thành phố Hải Phòng	031185002206	06/08/2025	Bộ Công an	Việt Nam
748	Phạm Thị Thúy Lan	12/09/1986	Tỉnh Phú Thọ	001186024784	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
749	Nguyễn Thị Lan	30/04/1989	Tỉnh Phú Thọ	026189002363	20/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
750	Nguyễn Thị Lan	12/06/1981	Tỉnh Ninh Bình	036181009049	22/08/2024	Bộ Công an	Việt Nam
751	Nguyễn Thị Thanh Lan	10/10/1995	Thành phố Hải Phòng	030195012449	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
752	Đông Văn Lanh	14/01/1987	Tỉnh Hưng Yên	034087011785	17/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
753	Hoàng Thị Hồng Lành	20/04/1982	Thành phố Hải Phòng	031182020912	21/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
754	Nguyễn Thị Liên	06/03/1991	Tỉnh Hưng Yên	034191008189	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
755	Đình Thị Liên	17/10/1988	Tỉnh Thái Nguyên	006188000103	16/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
756	Đào Thị Liên	09/12/1990	Thành phố Hải Phòng	030190003368	03/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
757	Vũ Thị Liên	28/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003219	14/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
758	Lương Thị Phương Liên	19/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003287	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
759	Bùi Khánh Linh	11/07/1993	Thành phố Hải Phòng	031193001266	14/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
760	Phạm Văn Linh	04/03/1984	Thành phố Hải Phòng	031084011558	09/09/2024	Bộ Công an	Việt Nam
761	Trịnh Thị Thùy Linh	31/08/1998	Thành phố Hải Phòng	022198000234	24/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
762	Đào Tuyết Linh	27/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031182019644	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
763	Nguyễn Thị Thúy Linh	20/01/1996	Thành phố Hải Phòng	031196001707	20/01/2026	Bộ Công an	Việt Nam
764	Trần Thị Mỹ Linh	07/08/1998	Thành phố Hải Phòng	031198001915	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
765	Nguyễn Thùy Linh	01/03/1994	Tỉnh Thanh Hóa	038194026067	15/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
766	Vũ Thùy Linh	03/12/1986	Tỉnh Hưng Yên	034186001233	02/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 9 (B302) - 32 THÍ SINH							
767	Phùng Thị Loan	15/10/1991	Thành phố Hải Phòng	030191000928	13/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
768	Nguyễn Thị Loan	22/12/1984	Thành phố Hà Nội	001184037835	15/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
769	Nguyễn Văn Lợi	16/05/1982	Tỉnh Hưng Yên	033082011363	05/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam
770	Lê Văn Lợi	19/02/1984	Thành phố Hải Phòng	031084012967	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
771	Bùi Thanh Long	23/11/2001	Thành phố Hải Phòng	031201009051	27/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
772	Nguyễn Ngọc Long	14/10/1996	Thành phố Hải Phòng	031096003742	07/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
773	Phạm Quang Long	27/05/1992	Thành phố Hải Phòng	031092016855	25/09/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
774	Bùi Thị Lương	20/11/1992	Thành phố Hải Phòng	031192000095	20/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
775	Trần Thị Lưu	08/06/1993	Tỉnh Ninh Bình	036193000490	12/12/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
776	Phạm Thị Luyến	06/07/1982	Tỉnh Hưng Yên	034182023511	23/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
777	Đoàn Thị Thanh Luyên	20/09/1985	Thành phố Hải Phòng	034185009251	12/08/2025	Bộ Công an	Việt Nam
778	Đỗ Thị Ly	03/02/1990	Tỉnh Bắc Ninh	024190015489	15/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
779	Lý Hà Ly	09/11/1985	Thành phố Hà Nội	001185011923	27/10/2025	Bộ Công an	Việt Nam
780	Nguyễn Thị Ly	19/09/1987	Thành phố Hải Phòng	030187016117	26/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
781	Nguyễn Thị Thanh Lý	20/10/1993	Tỉnh Hưng Yên	033193000065	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
782	Nông Thị Lý	02/04/1993	Tỉnh Lạng Sơn	020193010073	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
783	Trần Thị Mai	06/06/1987	Tỉnh Hà Tĩnh	042187000574	29/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
784	Nguyễn Ngọc Mai	05/09/2002	Thành phố Hải Phòng	031302001629	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
785	Trần Thị Mai	12/10/1987	Tỉnh Thanh Hóa	038187006086	27/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
786	Nguyễn Thị Thanh Mai	11/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031193006949	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
787	Bùi Thị Mai	01/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031191004442	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
788	Nguyễn Thị Mai	06/07/1996	Thành phố Hải Phòng	031196013332	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
789	Lê Thị Mơ Mận	11/05/1988	Tỉnh Phú Thọ	025188001058	16/01/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
790	Nông Đức Mạnh	17/09/1993	Thành phố Hải Phòng	031093017856	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
791	Nguyễn Đức Mạnh	29/12/1982	Thành phố Hải Phòng	031082008899	19/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
792	Phạm Đức Mạnh	19/09/2003	Thành phố Hải Phòng	031203001408	19/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
793	Nguyễn Văn Mạnh	02/12/1992	Thành phố Hải Phòng	031092006001	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
794	Nguyễn Xuân Mạnh	24/03/1991	Thành phố Hà Nội	001091034028	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
795	Nguyễn Thị Mầu	22/12/1985	Tỉnh Hưng Yên	034185000913	01/12/2025	Bộ Công An	Việt Nam
796	Đào Ngọc Minh	18/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031091011978	03/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
797	Phạm Ngọc Minh	24/07/1998	Thành phố Hải Phòng	030098002185	26/11/2024	Bộ Công an	Việt Nam
798	Phạm Thị Minh	19/08/1997	Thành phố Hải Phòng	031197011488	07/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 10 (B304) - 32 THÍ SINH							
799	Phạm Đức Minh	21/01/1977	Tỉnh Sơn La	014077000036	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
800	Vũ Ngọc Minh	12/10/1994	Thành phố Hải Phòng	031094017067	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
801	Phạm Thùy My	28/03/1986	Tỉnh Hưng Yên	019186023437	26/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
802	Mai Thị hà My	12/08/1995	Thành phố Hải Phòng	031195004443	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
803	Hoàng Việt Mỹ	10/07/1999	Thành phố Hải Phòng	030099004639	24/09/2024	Bộ Công an	Việt Nam
804	Nguyễn Ngọc Nam	02/09/1990	Thành phố Hải Phòng	031090000576	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
805	Nguyễn Văn Nam	28/05/1992	Thành phố Hải Phòng	031092004071	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
806	Lương Phương Nam	29/07/1998	Thành phố Hải Phòng	031098011444	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
807	Lê Trung Nam	28/04/1993	Tỉnh Hưng Yên	034093016021	15/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
808	Hoàng Phương Nam	18/09/1994	Tỉnh Bắc Ninh	024094001568	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
809	Nguyễn Văn Nam	29/08/1999	Thành phố Hải Phòng	030099005923	07/05/2025	Bộ Công an	Việt Nam
810	Đặng Trọng Nam	29/01/2004	Thành phố Hà Nội	001204018841	20/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
811	Đinh Thị Nga	30/08/1994	Tỉnh Quảng Ninh	022194000434	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
812	Vũ Thúy Nga	18/11/1978	Tỉnh Quảng Ninh	022178003183	09/01/2025	Bộ Công An	Việt Nam
813	Nguyễn Thị Nga	23/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	038192009424	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
814	Nguyễn Thị Ngà	18/07/1992	Thành Phố Hà Nội	001192019132	25/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
815	Đỗ Thị Thu Ngà	12/08/1982	Thành phố Hải Phòng	022182005655	24/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
816	Ngô Thị Ngân	20/10/1991	Thành phố Hải Phòng	031191025504	07/05/2025	Bộ Công an	Việt Nam
817	Phạm Thị Ngoan	22/12/1989	Thành phố Hải Phòng	030189004685	02/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
818	Trần Đình Ngọc	27/03/1985	Tỉnh Quảng Ninh	022085011198	22/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam
819	Lâm Thị Bích Ngọc	02/09/1990	Tỉnh Đồng Nai	075190001060	25/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
820	Tạ Bảo Ngọc	23/05/1970	Thành phố Hải Phòng	031170014436	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
821	Lê Thị Bích Ngọc	20/06/1993	Tỉnh Lạng Sơn	020193002037	09/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
822	Phùng Thị Bích Ngọc	06/02/1992	Thành phố Hà Nội	001192007412	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
823	Vũ Hữu Nguyên	21/08/1994	Thành phố Hải Phòng	031094002893	26/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
824	Quách Thảo Nguyên	30/06/2003	Tỉnh Thái Nguyên	019303004443	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
825	Nguyễn Thị Nhâm	02/10/1988	Thành phố Hải Phòng	031188003114	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
826	Lê Thị Nhâm	17/08/1996	Thành phố Hải Phòng	030196015205	25/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
827	Trần Văn Nhân	06/08/1998	Thành phố Hải Phòng	031098003892	21/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
828	Lê Văn Nhân	29/04/1989	Tỉnh Ninh Bình	037089001141	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
829	Thượng Thị Nhẫn	09/10/1992	Tỉnh Tuyên Quang	002192000948	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
830	Dư Quang Nhật	05/10/1980	Thành phố Hải Phòng	031080017989	05/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 11 (B305) - 32 THÍ SINH							
831	Triệu Quốc Nhật	17/02/1995	Tỉnh Thanh Hóa	038095002747	19/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
832	Phạm Thị Ninh	10/02/1985	Thành phố Hải Phòng	030185012863	22/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
833	Đỗ Đức Nhơn	21/08/1994	Thành phố Hải Phòng	030094000792	05/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
834	Phạm Thị Như	16/10/1995	Thành phố Hải Phòng	030195016368	07/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
835	Nguyễn Cẩm Nhung	03/01/1993	Tỉnh Quảng Ninh	031193005580	14/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam
836	Nguyễn Thị Nhung	16/07/1979	Tỉnh Phú Thọ	026179010271	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
837	Phạm Thị Nhung	17/03/1995	Thành phố Hải Phòng	030195012997	21/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
838	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/06/1991	Thành phố Hải Phòng	030191000671	03/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
839	Tạ Thị Huyền Nhung	05/05/1987	Thành phố Hải Phòng	031187008128	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
840	Nguyễn Thị Nường	15/11/1984	Thành phố Hải Phòng	030184002523	05/11/2024	Bộ Công An	Việt Nam
841	Phạm Thị Ninh	24/09/1993	Thành phố Hải Phòng	031193007840	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
842	Nguyễn Hữu Phong	06/06/1977	Tỉnh Hưng Yên	034077005490	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
843	Đoàn Văn Phong	30/04/1996	Tỉnh Hưng Yên	033096003141	25/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
844	Nguyễn Trọng Phú	29/01/1999	Tỉnh Quảng Ninh	022099005520	24/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
845	Nguyễn Thị Phúc	05/07/1988	Thành Phố Hà Nội	001188025250	19/09/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
846	Lê Tuấn Phương	09/12/1997	Thành phố Hải Phòng	031197005716	09/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
847	Vũ Thị Phương	29/01/1990	Thành phố Hải Phòng	031190008338	09/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
848	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	01/01/1999	Thành phố Hải Phòng	031199005500	28/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
849	Lương Văn Phương	09/02/1986	Tỉnh Hưng Yên	034086005444	09/01/2026	Bộ Công an	Việt Nam
850	Nguyễn Thị Mai Phương	24/02/1994	Thành phố Hải Phòng	031194002643	19/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
851	Lương Thị Thanh Phương	10/03/2001	Thành phố Hải Phòng	031301010292	23/08/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
852	Nguyễn Thị Hà Phương	09/06/1996	Thành Phố Hà Nội	001196019458	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
853	Lương Thị Lan Phương	10/12/1988	Tỉnh Lạng Sơn	020188001355	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
854	Nguyễn Anh Phương	29/07/1992	Thành phố Hà Nội	001092049813	24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
855	Tô Thu Phương	11/09/1999	Thành phố Hà Nội	001199024227	27/08/2024	Bộ Công an	Việt Nam
856	Đỗ Thi Thu Phương	07/06/1984	Tỉnh Ninh Bình	036184019985	03/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
857	Nguyễn Văn Phương	24/03/1991	Thành phố Hà Nội	001091048701	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
858	Đoàn Thanh Phương	22/04/1990	Thành phố Hải Phòng	031190006841	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
859	Vũ Nguyễn Huyền Phương	24/12/1995	Thành phố Hải Phòng	031195000815	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
860	Lê Thị Mai Phương	25/05/1990	Thành phố Hải Phòng	031190002231	27/05/2025	Bộ Công an	Việt Nam
861	Đặng Thị Phương	08/05/1994	Thành phố Hải Phòng	031194006189	04/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
862	Phan Thị Bích Phương	05/10/1990	Tỉnh Phú Thọ	025190000496	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 12 (B306) - 32 THÍ SINH							
863	Phạm Kim Phương	10/11/1991	Hồng Kông	031191002858	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
864	Phạm Thị Phương	13/02/1987	Thành phố Hải Phòng	031187005227	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
865	Nguyễn Đình Phương	07/04/1990	Tỉnh Thanh Hóa	039090000758	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
866	Hoàng Văn Quân	21/12/1994	Thành phố Hải Phòng	031094002786	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
867	Lê Hồng Quân	15/08/2004	Tỉnh Hưng Yên	034204002547	27/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
868	Bùi Tiến Quang	07/04/1993	Thành phố Hải Phòng	031093015163	11/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
869	Nguyễn Văn Quang	21/08/1987	Thành phố Hải Phòng	031087009401	03/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
870	Đông Văn Quang	16/07/1987	Thành phố Hải Phòng	030087000195	03/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam
871	Nguyễn Đình Quảng	04/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031093003997	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
872	Nguyễn Văn Quảng	14/02/1976	Thành phố Hải Phòng	031076006814	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
873	Phạm Thị Quế	10/05/1990	Tỉnh Lạng Sơn	020190013897	15/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
874	Bùi Thị Quế	25/06/1995	Thành phố Hải Phòng	031195000401	21/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
875	Trần Văn Quế	05/11/1990	Thành phố Hà Nội	001090001896	31/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
876	Bùi Đình Quý	29/08/1994	Thành phố Hải Phòng	031094005691	12/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
877	Vũ Quang Quyền	24/01/2000	Thành phố Hải Phòng	031200002611	28/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam
878	Nguyễn Văn Quyền	05/10/1986	Tỉnh Hưng Yên	034086006651	12/12/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
879	Đình Xuân Quyền	12/02/1985	Tỉnh Bắc Ninh	024085012565	17/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam
880	Nguyễn Thị Sâm	18/01/1980	Thành phố Hải Phòng	031180000828	13/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam
881	Đỗ Thị Sim	03/07/1989	Tỉnh Hưng Yên	034189003167	16/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
882	Lương Trác Trường Sinh	01/12/1985	Thành phố Hải Phòng	031085000929	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
883	Nguyễn Văn Sinh	02/03/1989	Thành phố Hải Phòng	019089001683	20/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
884	Vũ Thị Soan	14/10/1991	Thành phố Hải Phòng	030191001421	12/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
885	Nguyễn Văn Sơn	24/05/1988	Tỉnh Bắc Ninh	024088011825	16/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
886	Nguyễn Ngọc Sơn	17/01/1993	Tỉnh Quảng Ninh	022093012345	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
887	Hoàng Ngọc Sơn	16/01/1984	Tỉnh Bắc Ninh	024084011199	25/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
888	Trần Văn Sông	26/01/1996	Thành phố Hải Phòng	031096000287	01/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
889	Nguyễn Văn Tám	12/11/1978	Thành phố Hà Nội	001078013670	11/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
890	Vũ Xuân Tân	29/11/1992	Thành phố Hải Phòng	031092009585	13/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
891	Phạm Minh Tân	12/10/1986	Thành phố Hải Phòng	031086013160	08/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
892	Trịnh Ngọc Tân	27/05/1990	Thành phố Hải Phòng	008090012932	26/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
893	Nguyễn Thế Tân	30/03/1991	Thành phố Hà Nội	001091012470	16/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
894	Lê Mạnh Tấn	18/09/1985	Thành phố Hải Phòng	031085010608	22/09/2025	Bộ Công an	Việt Nam
PHÒNG SỐ 13 (TẦNG 1 NHÀ C) - 50 THÍ SINH							
895	Đào Thị Thái	09/09/1989	Tỉnh Lào Cai	031189002762	05/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
896	Nguyễn Thị Thái	15/09/1995	Thành phố Hải Phòng	031195003382	05/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
897	Bùi Duy Thái	17/10/1982	Thành phố Hải Phòng	031082013024	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
898	Nguyễn Đình Thân	06/05/1980	Thành Phố Hà Nội	001080040783	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
899	Lã Đắc Thắng	12/09/1993	Thành phố Hải Phòng	031093008336	05/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
900	Hoàng Hữu Thắng	20/12/1987	Thành phố Hà Nội	001087022096	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
901	Phạm Phương Thanh	09/04/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005029	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
902	Lê Thị Thanh	18/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	024301004242	06/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
903	Trần Văn Thanh	01/05/1983	Tỉnh Bắc Ninh	027083017212	12/03/2025	Bộ Công an	Việt Nam
904	Đỗ Thị Thanh	26/08/1989	Tỉnh Bắc Ninh	024189017533	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
905	Nguyễn Duy Thanh	03/05/1994	Thành phố Hà Nội	001094018537	24/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
906	Lương Vĩnh Thành	23/11/2000	Thành phố Hải Phòng	031200011268	18/11/2025	Bộ Công an	Việt Nam
907	Nguyễn Công Thành	13/09/1987	Thành phố Hải Phòng	030087014439	05/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
908	Nguyễn Sinh Thành	08/06/1998	Thành phố Hải Phòng	031098000076	07/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
909	Đoàn Đức Thành	14/08/1994	Liên Bang Nga	031094019215	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
910	Nguyễn Tiến Thành	04/04/1995	Thành phố Hải Phòng	022095003666	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
911	Phan Thị Thao	16/11/1984	Thành phố Hải Phòng	031184005518	10/08/2024	Bộ Công an	Việt Nam
912	Trần Thị Thảo	21/07/1996	Tỉnh Ninh Bình	036196008548	21/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
913	Lưu Thị Hương Thảo	19/06/1982	Thành phố Hải Phòng	031182010580	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
914	Phạm Thị Thu Thảo	18/11/2001	Thành phố Hải Phòng	0314301003842	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
915	Vũ Hoàng Thảo	26/11/1990	Thành phố Hải Phòng	031190005621	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
916	Nguyễn Thị Thảo	01/04/1989	Thành phố Hải Phòng	031189008852	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
917	Vũ Thị Thảo	22/08/1992	Tỉnh Hưng Yên	034192006025	13/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
918	Nguyễn Thị Thảo	18/12/2001	Thành phố Hà Nội	001301019340	20/03/2026	Bộ Công an	Việt Nam
919	Nguyễn Văn Thảo	06/01/1983	Thành phố Hải Phòng	031083021693	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
920	Lê Phương Thảo	15/11/1993	Thành phố Hải Phòng	031193001837	10/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
921	Đoàn Thị Phương Thảo	10/09/1998	Thành phố Hải Phòng	031198004199	04/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
922	Tăng Văn Thế	01/01/1992	Thành phố Hải Phòng	030090020701	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
923	Doãn Thi	22/07/1970	Thành phố Hải Phòng	031070000674	24/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
924	Phạm Văn Thiện	26/07/1992	Thành phố Hải Phòng	031092013012	01/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
925	Bùi Hoàng Thiện	30/03/1991	Tỉnh Phú Thọ	025191007935	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
926	Nguyễn Văn Thiện	01/01/1984	Thành phố Hải Phòng	031084004570	11/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
927	Nguyễn Đức Thịnh	13/03/1992	Tỉnh Quảng Ninh	022092002496	05/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
928	Bùi Đức Thịnh	17/02/1996	Thành phố Hải Phòng	031096017257	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
929	Ngô Quang Thịnh	06/07/2003	Tỉnh Bắc Ninh	027203004818	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
930	Trần Kim Thoa	18/09/1979	Thành phố Hải Phòng	031179002980	16/03/2026	Bộ Công an	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
931	Lại Hợp Thom	20/04/1996	Tỉnh Thanh Hoá	038096035597	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
932	Nguyễn Thị Thom	27/12/1981	Thành phố Hà Nội	001181016872	20/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
933	Lê Thị Hoài Thu	02/02/1996	Thành phố Hải Phòng	031196001753	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
934	Nguyễn Thị Thu	21/01/1987	Thành phố Hải Phòng	030187004887	08/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
935	Vũ Thị Thu	12/08/1975	Thành phố Hải Phòng	031175000245	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
936	Lý Thanh Thu	03/09/1993	Tỉnh Lạng Sơn	020193006198	02//10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
937	Nguyễn Thị Anh Thu	14/05/1993	Tỉnh Ninh Bình	035193002733	18/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
938	Nguyễn Thị Thương	03/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031191000421	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
939	Phạm Thị Thương	24/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031193006057	25/04/2021	Bộ Công an	Việt Nam
940	Mai Công Thương	02/02/1989	Thành phố Hải Phòng	030089014966	16/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
941	Hoàng Thị Thương	23/08/1990	Thành phố Hà Nội	001190036079	08/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
942	Đào Thị Thuý	25/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031192007000	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
943	Huỳnh Đăng Như Thuý	09/07/1977	Thành phố Hải Phòng	031077000469	29/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
944	Nguyễn Thị Thuý	12/05/1994	Tỉnh Hưng Yên	034194011536	16/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
PHÒNG SỐ 14 (TẦNG 2 NHÀ C) - 77 THÍ SINH							
945	Bùi Thị Thúy	10/06/1982	Thành phố Hải Phòng	031182020391	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
946	Nguyễn Thanh Thúy	23/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003663	15/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
947	Trần Thị Thúy	03/08/1991	Thành phố Hải Phòng	031191021439	24/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
948	Nguyễn Thị Thùy	18/10/1988	Tỉnh Bắc Ninh	027188014449	06/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam
949	Phạm Thị Thu Thủy	21/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031186009731	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
950	Nguyễn Thị Minh Thủy	22/12/1994	Tỉnh Ninh Bình	036194001934	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
951	Hoàng Lệ Thủy	17/01/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003840	20/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
952	Đào Thanh Thủy	06/08/2000	Tỉnh Hưng Yên	033300000863	14/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
953	Nguyễn Kim Thủy	20/12/1980	Thành phố Hải Phòng	031180003939	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
954	Trần Thanh Tiến	27/06/1988	Thành phố Hải Phòng	031088005850	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
955	Trần Văn Tiến	02/09/1998	Thành phố Hải Phòng	031098001257	30/05/2025	Bộ Công an	Việt Nam
956	Phạm Văn Tiến	16/10/1992	Thành phố Hải Phòng	030092015732	09/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
957	Nguyễn Ngọc Tiến	16/04/1982	Thành phố Hà Nội	001082044199	21/02/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
958	Vũ Quang Tiến	23/04/1998	Tỉnh Hưng Yên	034098003742	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
959	Lê Thị Tinh	05/06/1987	Tỉnh Thanh Hóa	038187026487	29/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
960	Phạm Thị Toàn	18/12/1996	Thành phố Hải Phòng	031186002095	04/11/2025	Bộ Công an	Việt Nam
961	Vũ Thị Toàn	21/11/1983	Thành phố Hải Phòng	031183008535	21/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
962	Đào Bá Toàn	20/05/1990	Thành phố Hải Phòng	031090005695	19/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
963	Ngô Văn Toàn	30/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031092003327	08/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
964	Đinh Thị Hương Trâm	28/12/1977	Tỉnh Phú Thọ	026177002078	09/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
965	Nguyễn Thị Trang	01/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031193018531	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
966	Hương Thị Trang	11/11/1995	Tỉnh Bắc Ninh	024195010967	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
967	Đinh Thị Thu Trang	16/01/1995	Thành phố Hải Phòng	031195011587	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
968	Nguyễn Thu Trang	31/10/1987	Thành phố Hải Phòng	031187012278	29/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
969	Lê Thị Thu Trang	24/09/1981	Thành phố Hải Phòng	031181002721	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
970	Đỗ Thùy Trang	29/10/1997	Thành phố Hải Phòng	031197002769	06/02/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
971	Hoàng Thị Thu Trang	08/02/1992	Thành phố Hải Phòng	031192002306	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
972	Bế Thị Thu Trang	16/08/1990	Tỉnh Cao Bằng	004190004458	25/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
973	Đỗ Văn Tráng	09/10/1998	Tỉnh Bắc Ninh	027098000876	15/09/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
974	Bùi Nguyên Triều	20/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	034092001166	16/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
975	Nguyễn Xuân Triều	22/09/1998	Tỉnh Nghệ An	040098021382	05/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
976	Phạm Văn Trọng	28/11/1987	Tỉnh Hưng Yên	034087002028	13/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
977	Nguyễn Văn Trung	07/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031090001925	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
978	Nguyễn Kim Trung	06/07/1979	Thành phố Hải Phòng	031079004859	07/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
979	Lại Thế Trung	21/09/1994	Thành phố Hà Nội	001094025344	01/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
980	Nguyễn Thành Trung	03/11/1997	Thành phố Hải Phòng	031097011645	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
981	Đỗ Nhật Trường	01/05/1989	Thành phố Hải Phòng	031089003567	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
982	Nguyễn Đăng Trường	17/03/1990	Thành phố Hải Phòng	030090010022	23/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
983	Mai Xuân Trường	24/08/2000	Tỉnh Thanh Hoá	038200012453	07/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
984	Nguyễn Hữu Trường	20/07/1990	Thành phố Hà Nội	001090060766	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
985	Bùi Văn Tú	18/10/1990	Tỉnh Quảng Ninh	022090004101	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
986	Lê Anh Tú	26/09/1995	Thành phố Hải Phòng	031095012834	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
987	Tạ Văn Tú	27/07/1989	Thành phố Hải Phòng	031089019098	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
988	Trần Thị Thanh Tú	07/01/1987	Thành phố Hải Phòng	031187000151	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
989	Phạm Quang Tú	23/12/1995	Tỉnh Hưng Yên	033095000795	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
990	Phạm Văn Tuấn	03/01/1986	Tỉnh Ninh Bình	036086026352	22/12/2025	Bộ Công an	Việt Nam
991	Hoàng Anh Tuấn	17/11/1981	Thành phố Hải Phòng	031081004084	01/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
992	Bùi Văn Tuấn	21/02/200	Tỉnh Thanh Hoá	038200012448	29/10/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
993	Phạm Văn Tuấn	11/05/1989	Thành phố Hải Phòng	031089007248	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
994	Đỗ Danh Tuấn	24/03/1988	Thành phố Hải Phòng	031088002655	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
995	Trần Việt Tuấn	03/12/1987	Thành phố Hải Phòng	031087006407	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
996	Nguyễn Anh Tuấn	10/10/1994	Tỉnh Ninh Bình	031094007435	17/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
997	Nguyễn Khắc Tuấn	11/02/2000	Thành phố Hà Nội	001200034800	25/07/2024	Bộ Công an	Việt Nam
998	Tô Ngọc Tuất	10/02/1970	Thành phố Hà Nội	001170045348	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
999	Bùi Thanh Tùng	02/11/1974	Thành phố Hà Nội	001074001202	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1000	Phạm Văn Tùng	20/05/1978	Thành phố Hải Phòng	030078016779	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1001	Trần Văn Tùng	14/03/1992	Thành phố Hải Phòng	031092000542	05/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1002	Phạm Thanh Tùng	15/05/1988	Thành phố Hải Phòng	031088013272	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1003	Đặng Thanh Tùng	09/08/1995	Thành phố Hải Phòng	031095005000	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1004	Phạm Văn Tuyên	26/06/1985	Thành phố Hải Phòng	031085000854	25/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam
1005	Nguyễn Việt Tuyên	05/09/1981	Tỉnh Hưng Yên	034081009386	09/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1006	Vũ Thu Vân	11/03/1979	Tỉnh Ninh Bình	031179015023	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1007	Chữ Thị Tuyết Vân	21/04/1981	Thành phố Hà Nội	001181012153	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1008	Hoàng Thị Anh Vân	10/06/1991	Thành phố Hải Phòng	030191002271	15/01/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1009	Nguyễn Anh Văn	25/05/1993	Thành phố Hải Phòng	031093007512	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch
1010	Nguyễn Lan Vi	11/12/1992	Tỉnh Sơn La	014192013671	24/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam
1011	Nguyễn Công Vĩ	10/01/1982	Thành phố Hải Phòng	030082004952	22/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1012	Bùi Hữu Vị	29/06/1985	Tỉnh Quảng Ninh	022085005905	21/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam
1013	Vũ Văn Việt	16/03/1993	Thành phố Hải Phòng	031093006259	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1014	Phạm Quốc Việt	11/12/1985	Thành phố Hải Phòng	031085002838	07/11/2025	Bộ Công An	Việt Nam
1015	Bùi Văn Vinh	18/02/1987	Thành phố Hải Phòng	031087001211	02/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1016	Nguyễn Mạnh Vinh	31/12/1987	Thành phố Hà Nội	001087015440	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1017	Trần Quang Vinh	26/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031092005022	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1018	Trịnh Quang Vui	10/03/1984	Thành phố Hải Phòng	031084006058	22/04/2024	Bộ Công an	Việt Nam
1019	Nhữ Thị Thu Yến	03/02/1992	Thành phố Hải Phòng	031192000279	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1020	Lương Thế Yến	10/01/1993	Tỉnh Bắc Ninh	024193018241	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam
1021	Hoàng Thị Hải Yến	13/05/1999	Thành Phố Hà Nội	001199031799	22/09/2024	Bộ Công an	Việt Nam

Lưu ý: Thí sinh đến trước giờ thi 30 phút để làm thủ tục vào phòng thi; không được mang điện thoại và các thiết bị điện tử khác vào khu vực thi, không sử dụng tài liệu trong khi thi và tự bảo quản tư trang cá nhân của mình.